

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN
DV-XD CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN
Số: 57./23/PTCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN
NĂM 2022

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Xây Dựng Công Trình Bưu Điện
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:0304731322
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 18.220.014.071 đồng
- Địa chỉ: 49 Bis Trần Bình Trọng Phường 05 Quận Bình Thạnh – TP.HCM
- Số điện thoại: 08.5150585
- Số fax/Fax: 08.5150580
- Website: www.ptco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): PTO

Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần dịch vụ xây dựng công trình Bưu Điện tiền thân là Công ty công trình Bưu Điện – TP.HCM là đơn vị chuyên ngành xây lắp các công trình Bưu chính viễn thông được thành lập theo quyết định số 61/2004/QĐ – BCVT ngày 09/12/2004 của Bộ Bưu Chính Viễn Thông .

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh :

- ✓ Sửa chữa, bảo dưỡng anten, mạng viễn thông, hệ thống tiếp đất, hệ thống chống sét, hệ thống máy điều hoà không khí, hệ thống ác quy, hệ thống hầm công cấp viễn thông, hệ thống cấp thoát nước (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Sửa chữa máy vi tính, thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- ✓ Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;

- ✓ Sửa chữa thiết bị liên lạc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Xây dựng công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị;
- ✓ Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính, kế toán);
- ✓ Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng, cột ăng ten, bê tông đúc sẵn (không sản xuất tại trụ sở);
- ✓ Mua bán vật tư, thiết bị xây dựng, thiết bị cơ, điện, điện tử, bưu chính, viễn thông, tin học;
- ✓ Kinh doanh bất động sản;
- ✓ Giám sát, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin liên lạc

- Địa bàn kinh doanh: chủ yếu phục vụ các công trình viễn thông thông tin trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Ban điều hành, các phòng Ban chức năng, các xí nghiệp thi công trực thuộc.

- Các công ty con: Công Ty TNHH MTV Đông Tây PTCO.

+ Địa chỉ : 49 Bis Trần Bình Trọng Phường 05 Quận Bình Thạnh – TP.HCM.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh : Xây dựng công trình bưu chính viễn thông, Mua bán vật tư

+ Vốn điều lệ thực góp : 1.000.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con 100% VDL

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Giữ vững thị trường truyền thống mà Công ty đã tạo lập được uy tín và thương hiệu trong nhiều năm qua. Đồng thời, định hướng mở rộng thị phần đến các tỉnh có nhu cầu đầu tư xây dựng công trình viễn thông – thông tin.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong trung hạn, Công ty điều chỉnh mô hình điều hành quản lý theo hướng mềm dẻo, thích hợp với môi trường kinh doanh nhiều biến động và rất nhiều đối thủ cạnh tranh hiện nay. Mục tiêu là tối ưu hóa chi phí, tìm kiếm giải pháp phù hợp để tăng doanh thu. Về dài hạn, Công ty hướng đến đào tạo đội ngũ trẻ, kế cận, mở rộng lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, bán hàng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp nhằm mở rộng thị trường trong nước, tăng thị phần nhóm khách hàng ngoài VNPT. Tìm kiếm và mở rộng thị trường các khách hàng có khai thác dịch vụ viễn thông và có nhu cầu chuyển đổi công nghệ sang truyền dẫn quang.

5. Các rủi ro/Risks:

+ Rủi ro về thị trường: tình hình kinh tế khó khăn và đầu tư của lĩnh vực viễn thông của các doanh nghiệp lớn không như các năm trước, thị phần thu hẹp đáng kể.

+ Rủi ro về cạnh tranh: ngày càng nhiều các doanh nghiệp mới cùng cạnh tranh trong lĩnh vực thi công xây dựng, cung cấp dịch vụ kéo cáp quang... và cạnh tranh rất cao, đề

có được công trình phải cắt giảm tối đa chi phí, giảm lợi nhuận để có được công trình.

+ Rủi ro về nguồn vốn: là doanh nghiệp siêu nhỏ, nguồn vốn hạn chế, khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay cũng hạn chế.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2022 có lẽ là năm khó khăn của công ty kể từ khi hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch Covid và tình hình kinh tế chung.

2. Hội đồng quản trị đã cùng với Ban điều hành, CB.CNV trong công ty tập trung khắc phục các nhược điểm, tồn tại cùng nhau vượt qua khó khăn và xây dựng nhằm khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả đạt được của năm 2022 như sau:

ĐV tính: triệu đồng.

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị Tính	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	37.000	38.381	103%
	- Doanh thu xây lắp	Triệu đồng	33.000	32.698	99%
	- Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	Triệu đồng	4.000	5.683	142%
2	Chi phí	Triệu đồng	35.070	36.855	105%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.930	1.526	79%
5	Thuế TNDN	Triệu đồng	330	429	130%
6	Lao động bình quân	Người	68	68	100%
7	Vốn điều lệ	Triệu đồng	12.000	12.000	100%
8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.600	1.097	68.5%

2. Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành:

- Bà Nguyễn Thị Chinh Tổng giám đốc
- Bà Phạm Thị Huệ Kế toán trưởng

- Số lượng cán bộ, nhân viên : tổng số CB.CNV là 64 người

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động : không thay đổi

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án : không có

a) Các khoản đầu tư lớn : không có

b) Các công ty con: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con):.

DVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị Tính	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng		288	
2	Chi phí	Triệu đồng		338	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng		(49)	
5	Thuế TNDN	Triệu đồng		37	
6	Lao động bình quân	Người		1	
7	Vốn điều lệ	Triệu đồng		1.000	
8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng		(86)	

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm/ %
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	31.259.350.148	31.960.913.333	102%
Doanh thu thuần	33.553.464.286	38.214.152.377	114%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.367.776.122	1.752.309.630	128%
Lợi nhuận khác	-158.133.021	-225.754.689	143%
Lợi nhuận trước thuế	1.209.643.101	1.526.554.941	126%
Lợi nhuận sau thuế	941.980.671	1.097.621.777	117%
<i>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</i>			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,44	2,49	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2,23	2,16	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,43	0,42	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,75	0,73	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	11,71	6,94	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,20	1,07	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản)	0,03	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,04	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghichú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ			
- Tổng tài sản có			
- Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay			
- Doanh số thu nợ			
- Nợ quá hạn			
- Nợ khó đòi			
- Hệ số sử dụng vốn			
Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghichú
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
3. Khả năng thanh khoản			
- Khả năng thanh toán ngay			
- Khả năng thanh toán chung			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần : 1.200.000

b) Cơ cấu cổ đông:

+ Cổ đông nhà nước : 01, chiếm tỷ lệ 30%

+ Các cổ đông cá nhân : 188 chiếm tỷ lệ 70%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: : Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ thi công trong lĩnh vực Viễn thông, không có các hoạt động sản xuất tác động lên môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không có.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: sử dụng theo định mức.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: sử dụng theo định mức.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động : 64, mức lương trung bình đối với người lao động: 10.300.000 VND.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động : Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, độc hại, tổ chức tham quan nghỉ mát , tổ chức tập huấn ATVSLĐ.....
- c) Hoạt động đào tạo người lao động : Theo quy chế đào tạo của Công ty ban hành.
 - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Tham gia giữ gìn trật tự xã hội như gắn camera giám sát, hỗ trợ các gia đình chính sách trong Tết nguyên đán.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty:

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020 hợp nhất	Thực hiện năm 2021 hợp nhất	Thực hiện năm 2022 riêng Cty mẹ
1	Doanh thu thuần	37,050	33,553	38,084
2	Giá vốn hàng bán	30,604	27,750	31,115
3	Lợi nhuận gộp	6,446	5,803	6,969
4	Lợi nhuận trước thuế	1,320	1,209	1,576

Các chỉ tiêu tài chính 2022 đều cao hơn 2021. Ban Điều hành đã hết sức nỗ lực, cùng toàn thể CBCNV phấn đấu, vượt khó khăn. Kết quả:

- Chỉ tiêu Doanh thu
 - Năm 2022/2021 = 113,5%
- Chỉ tiêu lợi nhuận gộp như sau:
 - Năm 2022/2021 = 120%.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Các chỉ tiêu doanh thu và lãi gộp 2022 đều vượt 2021. Công ty đã có các công trình với các chủ đầu tư ngoài ngành để từng bước mở rộng thị phần.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản : Không biến động tài sản

b) Tình hình nợ phải trả : Không có biến động về các khoản nợ lớn và nợ xấu

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Đã có các chủ trương cụ thể về quản trị nhân sự, đào tạo ngắn hạn hay bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động nhằm tăng cao năng suất lao động, tinh gọn bộ máy tổ chức và tránh lãng phí lao động để giảm chi phí tăng lợi nhuận kinh doanh.

Công tác tài chính – đảm bảo liên tục hoạt động tài chính và đề ra nhiều giải pháp tích cực nhằm giải quyết các tồn tại của Công ty trước cổ phần hóa có chiều hướng thuận lợi.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Xem xét đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng thị trường, phát triển dịch vụ với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao.

Tập trung củng cố phát triển ngành nghề truyền thống chủ lực của Công ty đồng thời mở rộng các ngành nghề dịch vụ mới, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường.

Tăng cường tìm nguồn công trình xây lắp từ bên ngoài như: Điện lực, Doanh nghiệp xây dựng ...

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bà Mai Xuân Dung	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Quang Nghĩa	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Chinh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Tùng	Ủy viên

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ông Trần Quang Minh Mẫn	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên
Ông Lâm Chí Thành	Ủy viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm tra, phân tích các Báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, phát hiện những rủi ro, thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị, giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo việc thực hiện các nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, kế toán, thống kê của Nhà nước và của Công ty.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm 2022 theo các quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Bà Mai Xuân Dung - Chủ tịch Hội đồng quản trị	63.730.189
Ông Trần Quang Nghĩa - Thành viên Hội đồng quản trị	47.797.642
Bà Nguyễn Thị Chinh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	53.108.491
Ông Nguyễn Văn Nghĩa- Thành viên Hội đồng quản trị	27.881.958

Ông Nguyễn Công Tùng- Thành viên Hội đồng quản trị	27.881.958
Ông Trần Quang Minh Mẫn- Trưởng Ban Kiểm soát	37.175.943
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm soát viên	21.243.396
Ông Lâm Chí Thành - Kiểm soát viên	12.391.981
Cộng	291.211.558

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán :

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Lâm